

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới trước số liệu tích cực về tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ và nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

NT2, TNC

[Cập nhật công ty]

CTG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể trải lệnh bán từng phần và tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại nếu chỉ số đi lên nhưng khối lượng giao dịch không được cải thiện.

25/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,499.97	+0.75
VN30	1,572.18	+0.44
HĐTL VN30F1M	1,568.40	+0.40
HNXIndex	458.15	+0.56
HNX30	767.56	+1.39
UPCoM	114.31	-0.29
USD/VND	22,679	-0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.59	+4
Dầu (WTI, \$)	78.38	-0.01
Vàng (LME, \$)	1,792.34	+0.21



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,499.97 (+0.75%)
KLGD (triệu CP) 1,014.2 (-1.1%)
GTGD (triệu US\$) 783.5 (-50.4%)

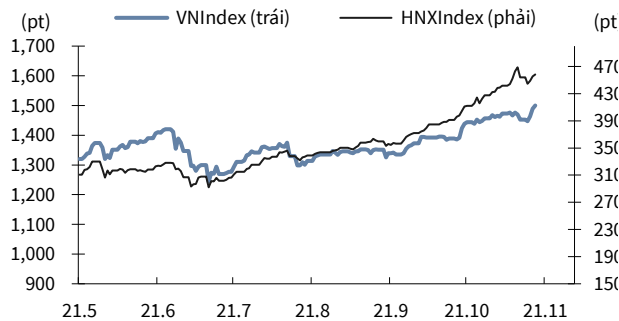
HNXIndex 458.15 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 122.6 (-5.7%)
GTGD (triệu US\$) 82.4 (-39.9%)

UPCoM 114.31 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 95.2 (-19.1%)
GTGD (triệu US\$) 51.2 (-48.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -41.2

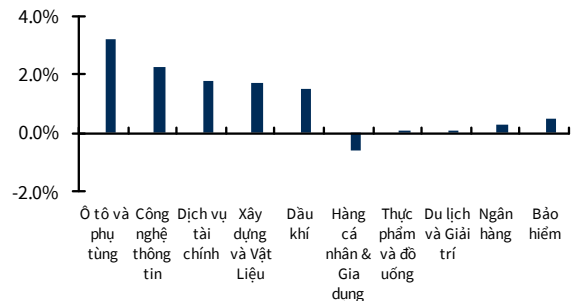
Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới trước số liệu tích cực về tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ và nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại. Cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở VCB (+2.2%), VPB (+1.9%) trước thông tin NHNN xem xét lùi lộ trình siết tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn và thông tin cấp thêm chỉ tiêu tín dụng trong quý IV. Theo Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam, giá OCC nhập khẩu và thu gom tại khu vực Châu Á trong tháng 11 hạ nhiệt giúp cổ phiếu ngành giấy, bao bì tăng giá ở DHC (+0.5%). Thủ tướng cho biết Việt Nam dự kiến đầu tháng 12 sẽ bắt đầu mở cửa lại các đường bay quốc tế, trong đó có Nhật Bản giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở AST (+1.1%), HVN (+0.6%). Khối ngoại bán ròng ở VPB (+1.9%), HPG (+1.2%), MSN (+0.3%).

VNIndex & HNXIndex



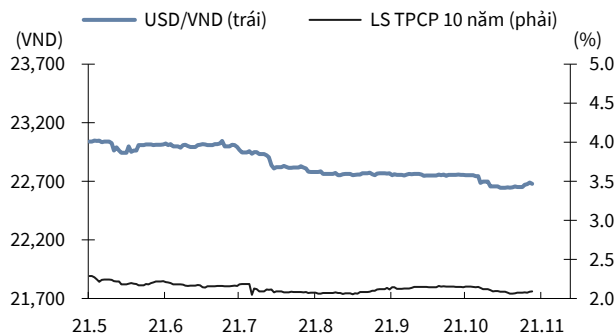
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

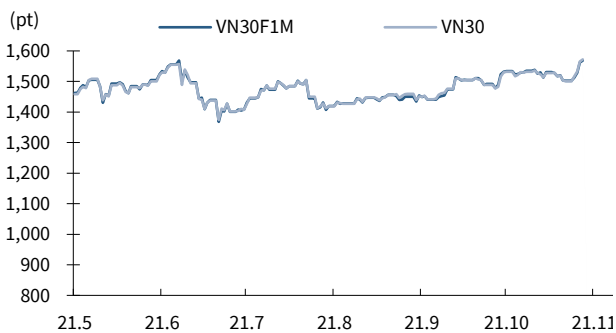
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,572.18 (+0.44%)
VN30F1M	1,568.4 (+0.40%)
Mở cửa	1,564.5
Cao nhất	1,575.0
Thấp nhất	1,562.1

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức 3.2 điểm, sau đó biến động với biên độ dương trong suốt phiên giao dịch cho thấy tâm lý tích cực của nhà đầu tư trước đà tăng của thị trường cơ sở, và đóng cửa ở mức 5.54 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

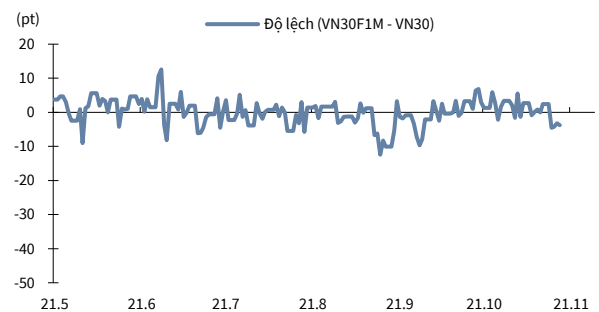
KLGD (HĐ) **121,468 (-19.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



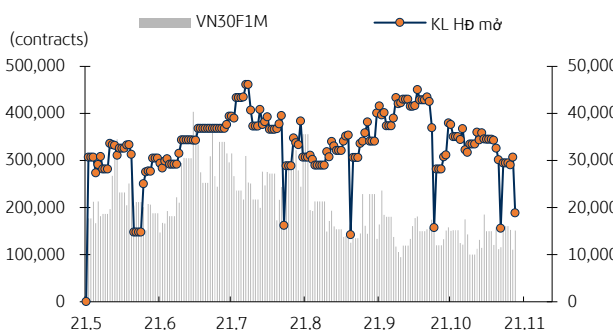
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



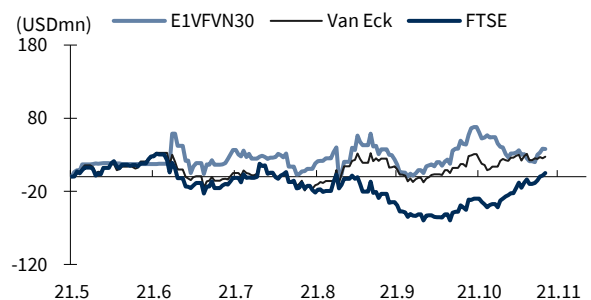
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

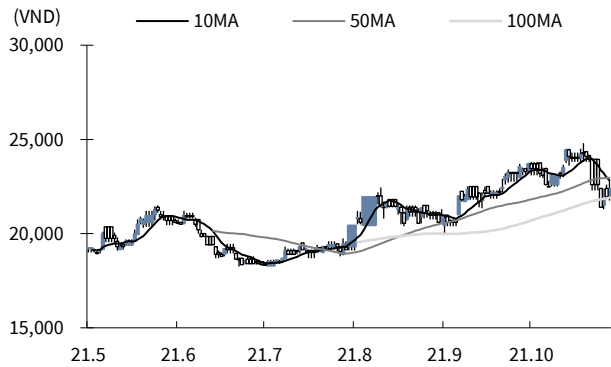
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

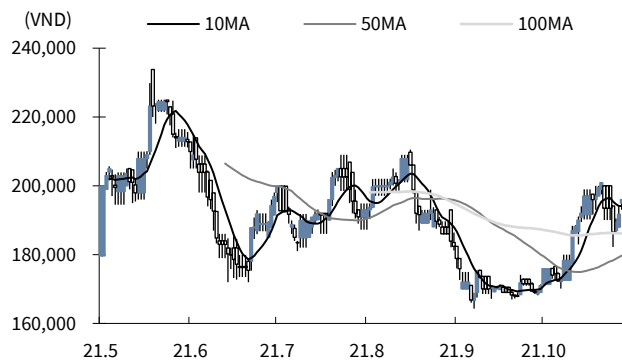
CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NT2 tăng 2.1% lên 22,400 VND/cp
- Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 công bố kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm với sản lượng điện giảm 20% so với cùng kỳ xuống 2,631 triệu kWh, tương đương 57% kế hoạch năm và doanh thu bán điện tương đương cùng kỳ, đạt hơn 4,969 tỷ đồng, thực hiện 64% mục tiêu cả năm. Sang tháng 11, NT2 đạt kế hoạch sản lượng là 430 triệu kWh.

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NTC tăng 3.5% lên 196,000 VND/cp
- Khu công nghiệp Nam Tân Uyên tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 80%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/12 và ngày thanh toán dự kiến 17/6/2022. Theo đó, tổng số tiền doanh nghiệp chi ra cho đợt cổ tức này là gần 192 tỷ đồng.

08/17/2021

2Q2021, LNST đạt 2,239 tỷ VND, giảm 38.0% YoY

2Q2021, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 10,879 tỷ VND (+2.2% QoQ, +39.5% YoY); TOI đạt 14,083 tỷ VND (+9.0% QoQ, +41.2% YoY). Tuy nhiên, chi phí dự phòng tăng mạnh, đạt 7,106 tỷ VND, (+221% YoY, +426% QoQ) khiến cho LNST 2Q2021 chỉ đạt 2,239 tỷ VND (-65.4% QoQ, -38.0% YoY).

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.34% tăng 46 bps QoQ do nợ nhóm 5 tăng mạnh

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2021 đạt 1.34%, tăng 46bps QoQ, chủ yếu do nợ nhóm 5 tăng đột biến 59bps QoQ. Theo thông tin từ phía CTG, đây là phần nợ xấu tương ứng của một doanh nghiệp lớn, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 tuy nhiên không thuộc đối tượng được áp dụng cơ cấu nợ theo thông tư 01/2020 và 03/2021.

CTG dự kiến trích lập hết dự phòng nợ tái cơ cấu theo thông tư 03/2021

Trong 2H2021, CTG đặt mục tiêu NPL < 1.5%, tăng trưởng tín dụng hiện tại đã đạt gần biên độ NHNN đặt ra là 7.5% và kì vọng nối được tăng trưởng trong thời gian tới. Ngoài ra, CTG dự định trích lập hết phần dự phòng cho nợ tái cơ cấu theo thông tư 03 trong năm 2021.

Kì vọng ghi nhận Upfront fee vào 4Q2021

Trong trường hợp thuận lợi, CTG có thể bắt đầu ghi nhận Upfront fee từ hợp tác độ quyền phân phối bảo hiểm với Manulife vào 4Q2021 hoặc muộn hơn vào 1Q2022 sau khi Manulife hoàn tất mua lại Aviva.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 40,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu là 40,600 VND/cp, cao hơn 17.3% so với giá tại ngày 17/08/2021.

MUA

Giá mục tiêu VND 40,600

Tăng/Giảm	17.3%
Giá hiện tại (17/08/2021)	VND 34,600
Giá mục tiêu thị trường	VND 44,900
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	168,681

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	561/24.2
Sở hữu nước ngoài (%)	24.45%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

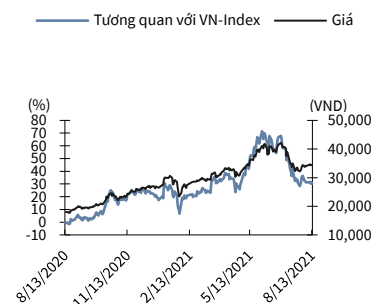
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	-14	20	89
Tương đối	-3	-17	4	30

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	33,199	35,581	40,585	44,257
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,785	29,219	33,816	36,749
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	9,461	13,679	16,791	23,912
EPS (VND)	2,541	3,674	3,494	4,976
Tăng trưởng EPS (%)	79%	45%	-5%	42%
PER (x)	17.2	11.9	12.5	8.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,775	22,935	20,769	25,357
PBR (x)	2.11	1.91	2.11	1.73
ROE (%)	13.1%	16.9%	18.2%	21.7%
Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)			1.14%	1.14%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

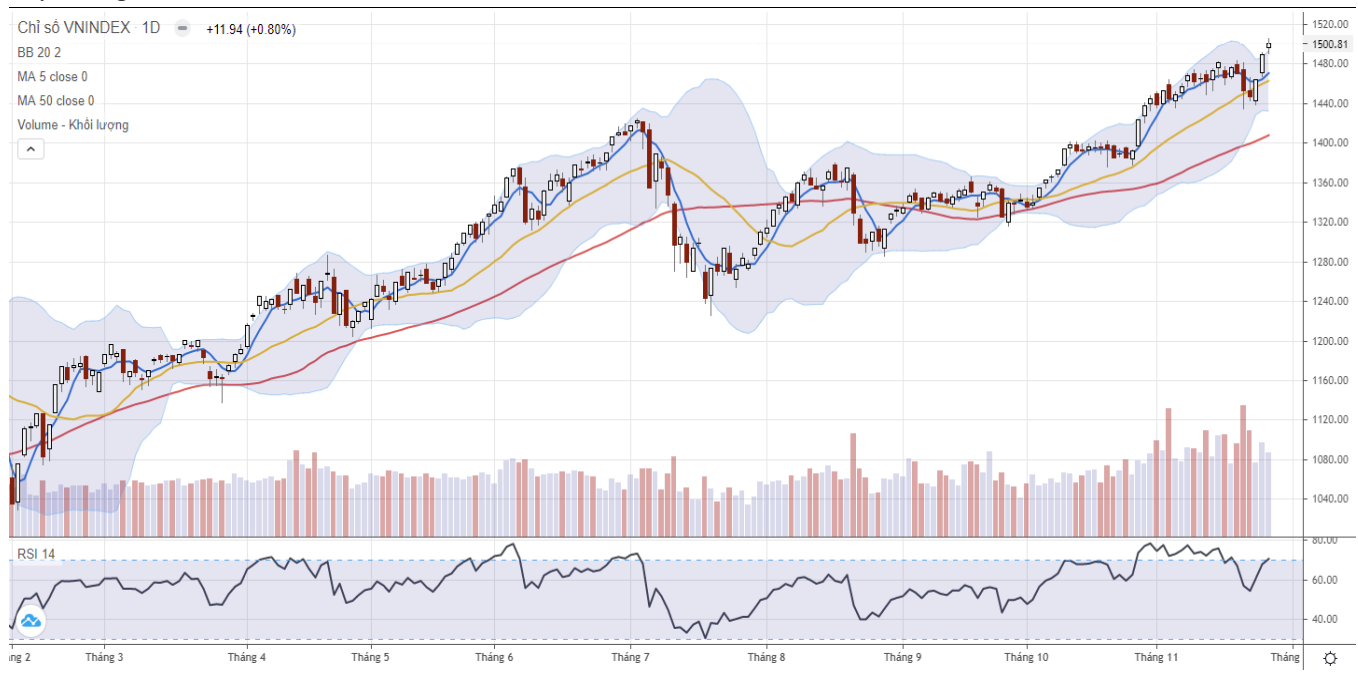


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

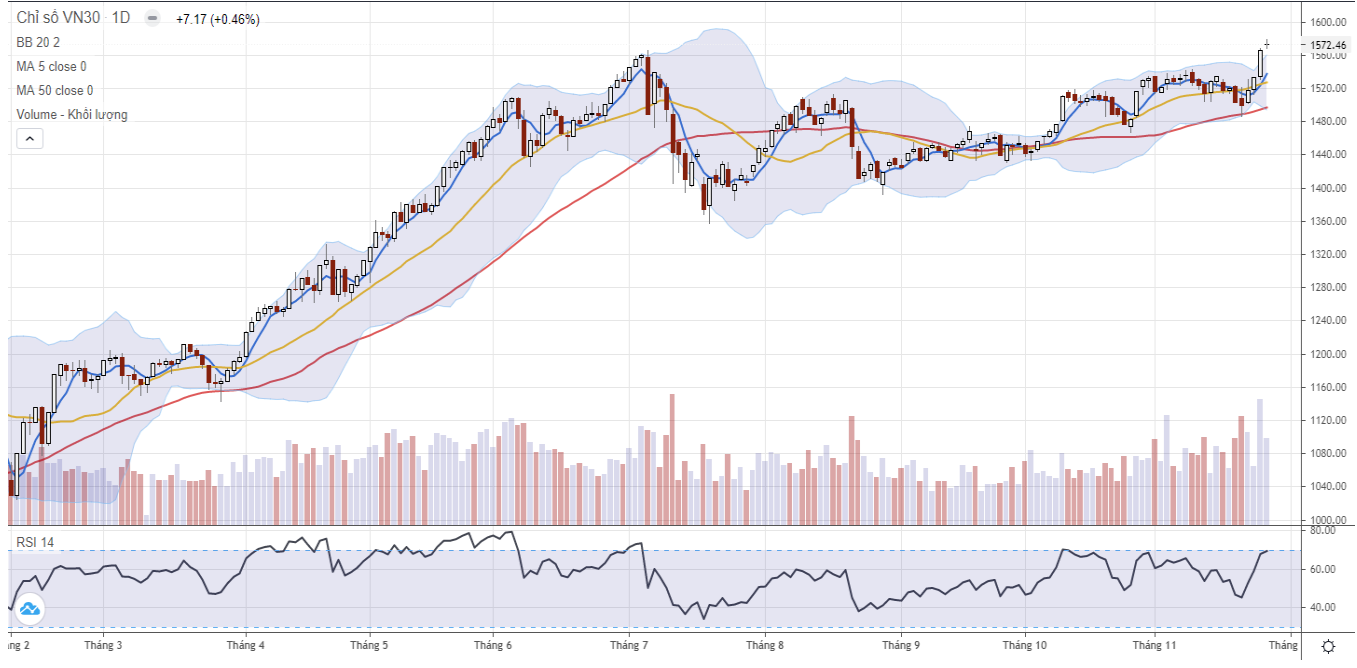
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



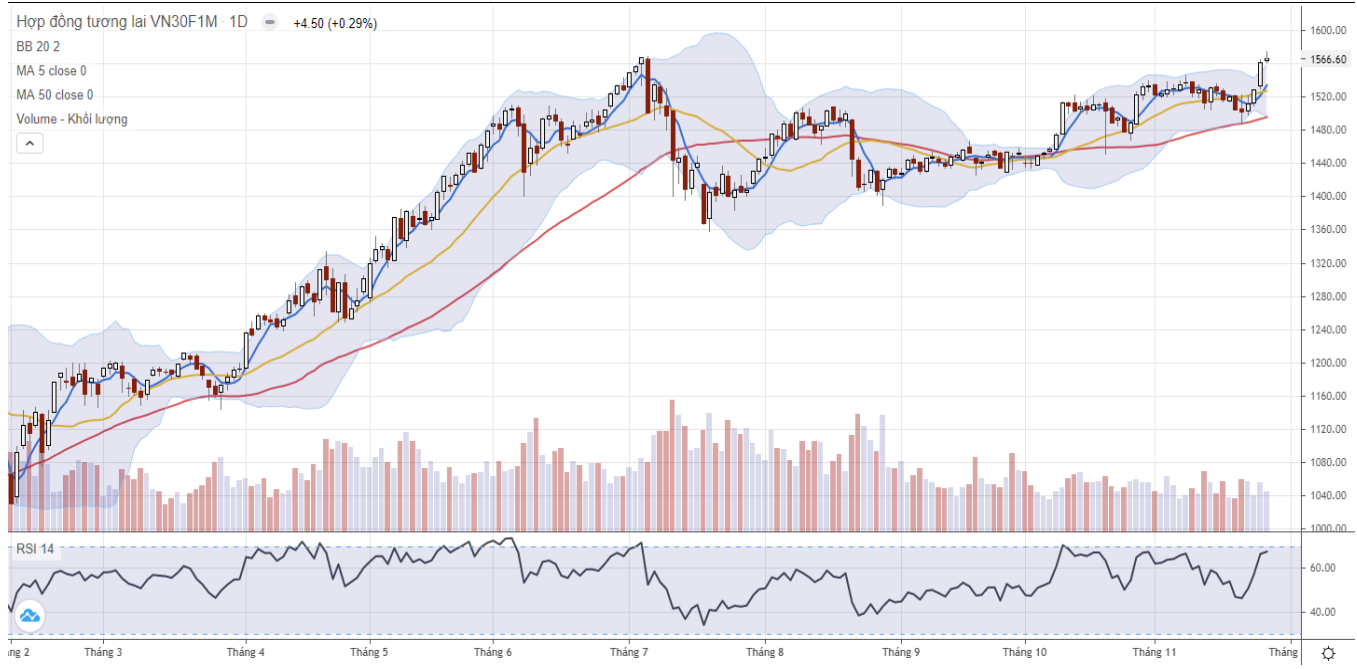
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex trải qua diễn biến rung lắc trước khi phục hồi lại một phần điểm số về cuối phiên.
- Với việc duy trì xung lực tăng điểm, chỉ số đã chạm vượt lên ngưỡng cản tâm lý 1500 điểm. Mặc dù vậy, sự hình thành của mẫu nến spinning đi kèm với sự sụt giảm nhẹ của khối lượng giao dịch để ngỏ rủi ro đảo chiều giảm điểm nếu xuất hiện thêm một phiên giảm điểm tiêu cực kế tiếp xác nhận.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể trải lệnh bán từng phần và tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại nếu chỉ số đi lên nhưng khối lượng giao dịch không được cải thiện.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1579 - 1583

Kháng cự gần: 1569 - 1571

Hỗ trợ gần: 1559 - 1562

Hỗ trợ xa: 1549 - 1553

- Sau khi mở gap tăng điểm vào đầu phiên, F1 diễn biến rung lắc với xung lực tăng có phần suy yếu về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng đỉnh lịch sử 1570 tiếp tục gây áp lực lên đà tăng điểm của chỉ số. Mặc dù xu hướng tăng điểm đang giữ vai trò chủ đạo, thanh khoản sụt giảm cùng áp lực chốt lời ở vùng giá cao để ngỏ rủi ro đảo chiều giảm điểm trong những phiên tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời từng phần và tạm đóng hết các vị thế Long còn lại tại các nhịp tăng trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

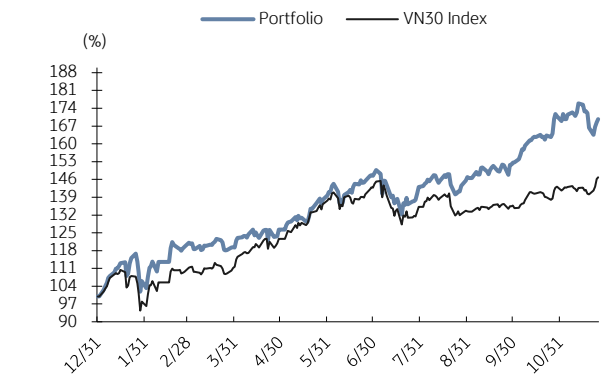
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.44%	0.80%
Tăng lũy kế (YTD)	46.83%	69.75%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	143,300	-0.5%	86.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	57,100	3.8%	148.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,000	-0.7%	37.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	194,200	1.3%	-0.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	66,800	-1.2%	98.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	100,400	2.6%	236.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,200	-0.6%	87.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,200	1.2%	40.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	48,950	0.6%	236.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	49,200	1.4%	254.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	0.7%	16.9%	72.6
CTG	-0.7%	25.0%	57.5
VCB	2.2%	23.6%	57.4
KBC	2.5%	15.9%	47.5
VHC	0.2%	26.2%	39.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	1.9%	15.3%	-346.2
HPG	1.2%	24.6%	-219.8
MSN	0.3%	32.4%	-130.3
TCH	6.9%	7.5%	-93.2
VHM	0.2%	23.1%	-154.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	4.3%	8.0%	8.1
BVS	1.8%	8.5%	1.4
VCS	2.0%	3.6%	1.2
TDN	1.9%	1.5%	1.1
NDN	2.1%	1.2%	0.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	9.9%	16.4%	-20.1
THD	1.5%	1.6%	-5.8
NVB	-2.2%	8.4%	-4.7
API	-3.4%	0.8%	-2.6
ART	3.3%	0.6%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	9.3%	VCB, CTG
Dịch vụ tài chính	3.9%	SSI, VND
Bán lẻ	2.9%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	1.7%	FPT, SGT
Thực phẩm và đồ uống	1.3%	MSN, IDI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.9%	GAS, POW
Dầu khí	-5.5%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-5.4%	TCH, DRC
Xây dựng và Vật Liệu	-4.3%	VGC, VCG
Hóa chất	-3.6%	GVR, PHR

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	30.3%	SSI, VND
Ô tô và phụ tùng	22.0%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	14.7%	VGC, VCG
Ngân hàng	11.6%	VCB, BID
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.9%	GEX, TMS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-13.6%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.1%	GAS, GEG
Du lịch và Giải trí	-3.0%	HVN, VJC
Bảo hiểm	-1.4%	BVH, MIG
Hóa chất	0.7%	GVR, PHR

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	202,099 (8.9)	22.5	78.2	60.1	14.7	4.3	5.7	3.9	3.6	-0.7	-2.3	2.5	-2.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	610,656 (26.9)	26.6	10.6	9.1	35.9	32.9	28.3	3.0	2.3	1.5	0.2	7.3	21.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	256,896 (11.3)	17.8	36.9	21.6	-7.6	6.6	10.1	2.4	2.2	3.2	2.1	1.5	-1.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	339,841 (15.0)	31.3	36.8	21.5	6.7	18.0	16.3	4.4	3.6	0.2	3.1	3.0	121.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	160,793 (7.1)	11.6	27.2	19.8	18.0	13.1	14.7	3.2	2.7	3.1	-2.9	3.0	76.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	338,526 (14.9)	13.9	15.3	10.7	-	15.3	17.9	2.2	1.8	2.5	0.0	18.4	92.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	100,834 (4.4)	6.3	18.7	15.2	11.7	20.2	20.6	3.4	2.8	5.8	6.9	11.1	7.0
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	112,771 (5.0)	12.7	20.6	15.6	-5.3	13.2	16.0	2.2	2.0	3.0	5.6	17.2	-3.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,063,295 (46.8)	0.0	11.4	9.6	14.3	20.8	19.8	2.1	1.8	5.5	6.3	6.1	76.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	444,374 (19.6)	1.4	11.2	8.9	61.1	17.8	19.6	1.6	1.4	3.8	9.8	19.4	32.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	389,696 (17.2)	0.0	13.0	11.1	18.8	18.5	16.6	2.2	1.8	2.9	3.2	0.3	106.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	385,064 (17.0)	0.0	9.7	8.0	14.6	22.0	22.4	1.8	1.5	6.9	7.7	10.8	83.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	186,502 (8.2)	4.2	12.0	10.4	23.3	22.1	21.1	2.3	1.9	5.3	20.5	36.5	76.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	547,977 (24.2)	14.0	18.5	13.9	26.5	10.5	12.1	1.7	1.5	6.8	8.8	16.2	80.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	166,269 (7.3)	0.0	11.8	9.8	37.5	22.1	20.5	2.3	1.8	0.8	13.5	13.7	83.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	21,156 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.9	6.1	25.6	52.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	107,338 (4.7)	21.0	26.7	25.5	15.8	8.6	8.6	2.2	2.1	0.6	-2.2	4.1	-4.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	53,983 (2.4)	14.2	22.5	19.4	9.1	10.9	12.6	2.1	2.0	1.0	-6.8	8.1	76.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	951,550 (41.9)	55.4	27.2	24.4	-3.2	17.3	17.7	-	-	2.3	16.0	35.7	143.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	410,569 (18.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.9	6.6	25.0	166.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	223,857 (9.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.7	4.4	26.1	97.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	592,038 (26.1)	27.2	17.8	30.2	36.3	-	-	5.9	5.4	0.9	9.6	55.9	333.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	311,953 (13.7)	42.1	18.4	17.1	4.0	32.8	34.0	5.6	5.4	1.4	-1.5	-3.3	-19.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,176 (0.8)	36.9	26.4	21.7	7.3	20.3	22.5	4.9	4.4	0.0	-1.5	7.3	-13.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	201,170 (8.9)	16.5	53.2	30.1	-51.9	28.8	21.8	9.8	7.1	0.3	4.3	12.1	76.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	93,941 (4.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-8.6	10.4	-43.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	114,187 (5.0)	11.0	-	37.1	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.2	3.4	0.3	5.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	220,700 (9.7)	10.8	30.1	21.0	-57.0	9.2	12.5	2.5	2.4	0.6	-5.4	3.2	57.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	235,085 (10.4)	38.4	50.0	15.9	65.7	3.1	8.4	1.6	1.5	-1.5	-7.7	36.3	25.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	138,214 (6.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.7	-5.2	21.5	168.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	633,106 (27.9)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	0.8	-3.1	81.3	148.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,773 (2.2)	3.6	37.0	18.0	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	6.9	-4.0	3.1	-6.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	47,674 (2.1)	0.0	11.8	9.5	-4.5	13.2	14.6	1.4	1.3	1.3	-5.8	11.1	38.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	203,712 (9.0)	46.1	21.0	16.3	-17.5	19.3	22.9	4.0	3.6	-1.5	-	-8.1	18.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,234 (1.3)	31.4	12.1	10.1	-10.5	11.6	17.1	1.4	1.4	-1.8	-8.9	-5.4	-10.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,585 (0.3)	34.1	15.2	12.9	-5.1	9.5	11.3	-	-	0.0	-2.8	0.7	-6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,680,906 (74.1)	18.0	6.5	6.6	21.9	42.5	30.0	2.3	1.7	-1.8	-5.4	-	58.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	316,187 (13.9)	36.5	9.3	11.7	-0.5	25.8	17.6	2.0	1.8	-1.6	-5.8	4.2	158.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	285,768 (12.6)	46.5	19.3	18.7	-4.5	18.2	16.8	2.8	2.6	-1.9	-6.2	9.3	159.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	445,991 (19.6)	38.9	5.7	6.2	67.9	25.8	19.2	1.3	1.1	-2.9	-	-	88.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	156,985 (6.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.6	-5.0	5.3	29.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	158,225 (7.0)	4.6	20.4	17.2	-51.0	16.1	17.4	3.0	3.0	0.0	-8.2	7.8	4.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	270,990 (11.9)	39.9	503.8	27.3	-11.9	0.0	3.4	0.8	0.8	0.5	-	1.5	71.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	130,971 (5.8)	35.9	11.3	9.9	1.2	14.6	14.9	1.5	1.4	-1.4	-7.0	-2.8	71.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	199,407 (8.8)	0.0	21.7	16.8	13.7	24.8	27.8	4.9	4.3	0.7	4.4	12.9	81.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	73,578 (3.2)	0.0	25.9	18.0	2.4	18.4	23.2	4.3	3.6	0.0	-0.7	6.8	30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,084 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.5	-3.0	17.7	-61.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	88,160 (3.9)	30.3	37.8	26.0	-75.2	10.2	13.7	3.6	3.3	-0.2	-3.1	23.5	84.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	88,346 (3.9)	34.6	25.7	10.4	41.2	13.4	30.4	2.9	2.6	2.9	-5.1	22.2	12.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,176 (0.1)	45.4	18.4	17.4	10.7	19.9	19.3	3.4	3.1	2.3	-1.1	2.7	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	197 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	6.9	-4.7	-9.5	-2.4
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	204,370 (9.0)	0.0	21.1	17.9	15.5	24.2	25.6	4.6	4.3	1.3	-0.4	1.8	90.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.